

Số: 135/KH-THHhoa

Hải Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Kiểm tra, rà soát, đầu tư, duy trì, vận hành,
quản lý hạ tầng công nghệ thông tin
Năm học 2024 - 2025**

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT về Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là Bộ chỉ số);

Căn cứ Kế hoạch 137/KH-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh về việc Triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" tỉnh Nam Định;

Căn cứ Công văn số 1658/SGDĐT-GDCTHSSV ngày 09/9/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin (CNTT), Chuyển đổi số (CĐS) năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 15/01/2024 của UBND huyện Hải Hậu về Kế hoạch CĐS huyện Hải Hậu năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 12/8/2024 của Ban Chỉ đạo về kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo CĐS huyện Hải Hậu năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch năm học số 125/KH-THHS ngày 24/9/2024 về chuyển đổi số của trường Tiểu học Hải Hòa năm học 2024-2025;

Trường Tiểu học Hải Hòa xây dựng Kế hoạch kiểm tra, rà soát, đầu tư, duy trì, vận hành, quản lý hạ tầng công nghệ thông tin năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Địa chỉ trường: Xóm Xuân Đài Tây, xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Email: th14haihoa@gmail.com

Web: <https://thhaihoa.namdinh.edu.vn/>

1. Cán bộ, giáo viên, nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên, viên chức, người lao động là 33 người.

Trong đó: Ban giám hiệu: 02; Giáo viên văn hóa: 20; Giáo viên bộ môn: 08; (04 giáo viên hợp đồng); Văn thư, kế toán, y tế học đường, thiết bị, thư viện: 03 (01 hợp đồng)

Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1.4

Chất lượng đội ngũ

CB-VC	SL	Nữ	Đảng viên	Trình độ			
				Th.S	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp
CBQL	2	1	2	0	2	0	0
Giáo viên	28	24	12	0	28	0	0
Nhân viên	3	3	1	0	0	2	1

2. Số lớp, số học sinh

Tổng số học sinh	Số lớp	Số học sinh chia ra theo khối lớp									
		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh
766	20	4	167	4	154	4	130	4	160	4	155

3. Mục tiêu

Kế hoạch này nhằm đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) của nhà trường được xây dựng, vận hành, quản lý một cách hiệu quả, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Rà soát hiện trạng hạ tầng CNTT

Kiểm tra thiết bị hiện có: Đánh giá số lượng, chất lượng, tuổi thọ của máy tính, máy chiếu, ti vi, các thiết bị mạng.

Danh mục thiết bị công nghệ thông tin nhà trường hiện có tại thời điểm tháng 9/2024

STT	Tên Phòng/ Lớp	Số số	Tivi kết nối Internet		Máy tính		Máy chiếu	Ghi chú
			Số lượng	Bình quân/lớp	Số lượng	Bình quân/học sinh	Số lượng	
1	1A	44	1	1/1	1	1/1		
2	1B	39	1	1/1				
3	1C	42	1	1/1				
4	1D	42	1	1/1				
5	2A	38	1	1/1	1	1/1		
6	2B	40	1	1/1				
7	2C	39	1	1/1				

8	2D	37	1	1/1				
9	3A	35	1	1/1	1	1/1		
10	3B	35	1	1/1				
11	3C	40	1	1/1				
12	3D	20	1	1/1				
13	4A	41	1	1/1	1	1/1		
14	4B	40	1	1/1				
15	4C	39	1	1/1				
16	4D	40	1	1/1				
17	5A	38	1	1/1	1	1/1		
18	5B	38	1	1/1				
19	5C	40	1	1/1				
20	5D	39	1	1/1				
21	Phòng Tin học		1	1/1	23	2hs/máy		
22	Phòng Hội đồng		1					
23	Phòng Tiếng Anh		1					
24	Phòng Âm nhạc		1					
25	Phòng Mỹ thuật		1					
26	Phòng Thư viện		1		1			

Kiểm tra hệ thống mạng: Xem xét tốc độ mạng, độ phủ sóng Wifi và an ninh mạng. Nhà trường hợp đồng cùng nhà mạng VNPT và Viettel được cung cấp 02 gói mạng, nhà trường lắp đặt đảm bảo phủ sóng Wifi toàn bộ trường.

Đánh giá phần mềm và ứng dụng: Kiểm tra các phần mềm giảng dạy, quản lý học sinh và các ứng dụng hỗ trợ khác mà giáo viên, học sinh đang sử dụng như OLM, Zalo,...

2. Lập kế hoạch đầu tư nâng cấp hạ tầng

Căn cứ danh mục thiết bị hiện có, căn cứ khả năng tài chính của nhà trường, nhà trường xây dựng kế hoạch vận động tài trợ đầu tư cho 4 lớp Một về ti vi có kết nối Internet, nâng cấp sửa chữa những máy tính hỏng,...

Lập ngân sách: Dự toán chi phí cho việc mua sắm, sửa chữa, nâng cấp thiết bị phần mềm và dịch vụ CNTT là 70.000.000 đồng.

Tìm nguồn tài trợ: Tìm kiếm các nguồn tài trợ từ ngân sách nhà nước, từ xã hội hóa, đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương.

3. Đầu tư và triển khai nâng cấp

Mua sắm thiết bị và phần mềm: Tiến hành hợp đồng và mua sắm theo quy định của pháp luật

Lắp đặt và cấu hình: Lắp đặt thiết bị, cài đặt và cấu hình phần mềm, đảm

bảo hoạt động tốt.

Đào tạo sử dụng: Tổ chức khóa đào tạo, tập huấn cho giáo viên, nhân viên về việc sử dụng thiết bị và phần mềm mới.

4. Duy trì và bảo dưỡng

Lịch trình bảo dưỡng định kỳ: Lập trình bảo dưỡng định kỳ cho các thiết bị CNTT và hệ thống mạng.

Hỗ trợ kỹ thuật: Cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên cho giáo viên và học sinh

Cập nhật phần mềm: thường xuyên cập nhật phần mềm giảng dạy và bảo mật để đảm bảo an toàn, hiệu quả.

5. Vận hành, quản lý

Quản lý tài sản CNTT: Theo dõi và quản lý tất cả các thiết bị và phần mềm CNTT trong nhà trường.

Quản lý người dùng: Tạo và quản lý tài khoản người dùng cho giáo viên và học sinh, nhân viên.

An ninh mạng: Triển khai các biện pháp an ninh để bảo vệ dữ liệu và hệ thống mạng.

6. Giám sát và đánh giá

Theo dõi hiệu suất: Sử dụng các công cụ giám sát để theo dõi hiệu suất của hệ thống mạng và các thiết bị CNTT.

Đánh giá định kỳ: Tiến hành các cuộc đánh giá định kỳ để xác định các vấn đề và cải tiến cần thiết.

Báo cáo kết quả: Lập báo cáo chi tiết về tình trạng hạ tầng CNTT và các hoạt động bảo trì, nâng cấp.

7. Phát triển bền vững

Nâng cao nhận thức: Tổ chức các buổi tuyên truyền về tầm quan trọng của việc bảo dưỡng và sử dụng hiệu quả hạ tầng CNTT

Khuyến khích sáng tạo: Khuyến khích giáo viên và học sinh sử dụng và phát triển các ứng dụng CNTT mới trong giảng dạy và học tập.

Hợp tác và chia sẻ: Xây dựng các mối quan hệ hợp tác với các trường khác và các tổ chức để chia sẻ kinh nghiệm, nguồn lực.

9. Khuyến khích và động viên

Tạo ra các chương trình thưởng và động viên cho những cá nhân, tập thể có đóng góp xuất sắc trong việc duy trì và sử dụng hạ tầng CNTT.

10. Tối ưu hóa chi phí và tài nguyên

Sử dụng phần mềm mã nguồn mở: Tận dụng các phần mềm mã nguồn mở để giảm chi phí bản quyền.

Tiết kiệm năng lượng: Sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng và triển khai các biện pháp tiết kiệm điện năng.

Bằng các cách thực hiện kế hoạch này, nhà trường sẽ có hạ tầng CNTT ổn định, hiện đại và hiệu quả, hỗ trợ tốt nhất cho công tác giảng dạy và học tập.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, cá nhân căn cứ nội dung kế hoạch nêu trên, cụ thể hóa trong kế hoạch năm học của tổ, khối, cá nhân xây dựng các biện pháp cụ thể, khả thi và tổ chức thực hiện hiệu quả góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024 - 2025./.

Nơi nhận:

- Trang Werbsite;
- BGH, các tổ CM;
- Bộ phận hành chính;
- Lưu VT.



Phạm Thị Yên